TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 454/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 14/12/2020
V/v: Tranh chấp HNGĐ xin ly hôn
Và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thành Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Võ Văn Tám.
2. Võ Thái Quân.

- Thư ký phiên tòa: Phạm Minh Cảnh -Thư ký Tòa án.

Ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST- HNGĐ ngày 13/02/2020, *về: "* Tranh chấp hôn nhân- gia đình, xin ly hôn và nuôi con", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01tháng năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1985. Cư trú ấp Hiệp Th, xã Hiệp X, Phú T, An Giang.

- Bị đơn: Lê Văn H, sinh năm 1983, cư trú ấp Hiệp H, xã Hiệp X, Phú T, An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai biên bản hòa giải thì Chị Đ trình bày: Chị với anh H thành vợ, chồng vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 51, ngày 24/5/2005, do UBND xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân cấp.

- Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cải, anh H uống rượu, ghen, đánh chị, có xa

nhau nhiều lần thời gian ngắn rồi chung sống lại, nhưng vẫn không hạnh phúc và ly thân từ cuối năm 2019.

- Con chung có 01 đứa tên Lê Hữu Đ, sinh ngày 11/4/2005, sống với chị

- Tài sản và nợ phải thu; phải trả: Không có.

Anh Lê Văn H trình bày:

- Anh với Đ thành vợ, chồng vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn sô 51, ngày 24/5/2005, do UBND xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân cấp.

- Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tinh tình không phù hợp, thường xuyên cự cải, anh uống rượu và đánh chị Đ vài lần, có xa nhau 02 lần thời gian ngắn rồi chung sống lại và ly thân từ cuối năm 2019.

- Con chung có 01 đứa tên Lê Hữu Đức, sinh ngày 11/4/2005, sống với chị Đ.

- Về tài sản; nợ phải thu và phải trả: Không có.

- Chị Đ Yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Xin lý hôn với anh H.

+ Về con chung: Được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

+ Về tài sản và nợ phải thu; phải trả: Không có vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh H yêu cầu:

+ Về hôn nhân: Chưa đồng ý ly hôn ngay mà yêu cầu cho 02 tháng để vợ, chồng hàn gắn, nếu không được sẽ ly hôn.

+ Về con chung: Nếu ly hôn sẽ đồng ý cho chị Đ tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng.

+ Về tài sản và nợ phải thu; phải trả: Không có vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về hình thức, thủ tục tố tụng :

[1] Anh H đã được triệu tạp xét xử lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt, vì vậy căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử

vắng mặt.

[.2] Chị Đ yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dâ sự xét xử vắng mặt

[2] Về nội dung :

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Đ với anh H có đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2005, do UBND xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân cấp. Như vậy hôn nhân của anh chị được luật pháp bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xãy ra. Chính anh H khai thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tinh tình không phù hợp, thường xuyên cự cải, anh uống rượu và đánh chị Đ vài lần, có xa nhau 02 lần thời gian ngắn rồi chung sống laị và ly thân từ cuối năm 2019. khi hòa giải vào ngày 30/3/2020 anh H yêu cầu cho anh suy nghĩ lại và có thời gian để vợ chồng hàn gắn nhưng đến nay đã trên 8 tháng anh chị vẫn không chung sống lại và chị Đ kiên quyết yêu cầu được ly hôn với anh Hâu. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị Đ có lý do chín đáng, do đó chấp nhận chị Đ được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1, Điều 51 và khoản 1, Điều 56 Luật hôn nhân- gia đình

[2.2] Về Con chung: Có 01 đứa tên Lê Hữu Đ, sinh ngày 11/4/2005, sống với Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, hơn nữa nguyện vọng của cháu Đức là được tiếp tục sống với mẹ, chị Đ không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con, được anh H đồng ý, theo quy định tại khoản 2, Điều 81 luật hôn nhân - gia đình

[2.3] Về tài sản và nợ phải thu : Anh H và chị Đ khai Không có, vì vây HĐXX không xem xét.

[2.4] Về nợ phải trả: Anh H và chị Đ khai không có, vì vậy HĐXX ghi nhận, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Đ và anh H phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[2.5] Về án phí DSST: Chị Đ phải chịu án phí về việc xin ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56, khoản 2, Điều 81; khoản 3, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân- gia đình.

- Khoản 4 Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; các khoản 1, khoản 3, Điều 228; các điều 271; 273; 278 và khoản 1, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Tuyên xử:

- Chị Nguyễn Ngọc Đ được ly hôn với anh Lê Văn H. Giấy chứng nhận kết hôn hôn số 51, ngày 24/5/2005, của UBND xã Hiệp Xương, huyện Phú Tân không còn giá trị pháp lý.

- Chị Nguyễn Ngọc Đ được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đứa tên Lê Hữu Đ, sinh ngày 11/4/2005, không ai được ngăn cảng mà phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh H đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Công nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên không cố định.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đ phải chịu án phí về việc xin ly hôn là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng chẵn), theo biên lai thu số 0006489 ngày 13/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân.

Chị Đ, anh H có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- CC. THADS Phú Tân;
- Các đương sư;
- UBND xã Hiệp Xương;
- Lưu hồ sơ;

TM. Hội Đồng xét xử
Thẩm Phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Dũng